TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y T **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:46/2018/DS-ST

Ngày 04 - 12 - 2018.

V/v: Tranh chấp hợp đồng giao khoán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y T - TỈNH BẮC GIANG

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Thạo;

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Vũ Thị Thu Ngát;
- Ông Đỗ Ngọc Thắng.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Kim Oanh, cán bộ toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Nông Văn Hội, Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 30 tháng 11 năm 2018 đến ngày 04/12/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2018/TLST – DS ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc "tranh chấp hợp đồng giao khoán", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2018/QĐXXST - DS ngày 31 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2018/QĐST- DS ngày 15/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LNĐB do ông Nguyễn K L – Giám đốc công ty đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ công ty: Số X đường X G, thị trấn H L, huyện H L, tỉnh Lạng Sơn.

Ủy quyền cho ông Lưu Văn T – Phó giám đốc Lâm trường Đ S đại diện (Ông T có mặt tại phiên tòa ngày 30/11/2018, vắng mặt tại phiên tòa ngày 04/12/2018).

Bị đơn : Anh Hướng Văn B, sinh năm 1977 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T M, xã Đ H, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hướng Văn T, sinh năm: 1979 (Vắng mặt đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt)

- Chị Hà Thị Q, sinh năm: 1978 (Vắng mặt).

- Anh Hướng Văn Đ, sinh năm: 1998 (Vắng mặt);

- Anh Hướng Văn L, sinh ngày 20/4/2000 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T M, xã Đ H, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2018, bản tự khai ngày 30 tháng 5 năm 2018 các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LNĐB do ông Nguyễn K L đại diện theo pháp luật, ông Lưu Văn T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ hợp đồng giao khoán số 15/HĐ/2013- ĐH ngày 10 tháng 4 năm 2013 Hợp đồng giao khoán sử dụng đất để trồng rừng kinh tế giữa Lâm trường Đ S thuộc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LNĐB với anh Hướng Văn B đối với lô rừng diện tích 1,72 ha thuộc địa bản xã Đ H, khoảnh 3, lô C3 theo bản đồ thiết kế tạo rừng KH năm 2013 đội Đ H, Lâm trường Đ S.Tại điều 3 của Hợp đồng ghi rõ khi đến kỳ khai thác trả sản phẩm cho Lâm trường anh Hướng Văn B phải trả cho Lâm trường 51,6m^3 gỗ. Đến ngày 18 tháng 10 năm 2017 Lâm trường kiểm tra phát hiện anh Hướng Văn B tự ý khai thác không trả sản phẩm cho Lâm trường theo hợp đồng đã ký. Toàn bộ sản phẩm trên lô rừng diện tích 1,72 ha anh B đã tiêu thụ hết mà không trả sản phẩm cho Lâm trường Đ S. Công ty khởi kiện yêu cầu anh Hướng Văn B phải trả sản phẩm giao khoán cho công ty như hợp đồng đã ký kết là 51,6 m^3 gỗ x 780.000đ/ 1 m^3 = 40.248.000đ (Bốn mươi triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Căn cứ Lâm trường Đ S đưa ra để chứng M cho Yêu cầu khởi kiện của mình là Hợp đồng giao khoán số 15/HĐ/2013/ĐH ngày 10/4/2013, biên bản giao khoán, nhận khoán về đất,đơn xin giao khoán đất trồng rừng, phiếu chi số 114 ngày 28/4/2013, Quyết định số 46/QĐ/CT- LNTH ngày 17/3/2017 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LNĐB.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 6 năm 2018 anh Hướng Văn B và chị Hà Thị Q trình bày: Ngày 22 tháng 02 năm 2012 anh nhận chuyển nhượng của anh Đàm Trọng M một lô đất Lâm nghiệp diện tích 3,31ha, anh M viết giấy chuyển

nhượng đề ngày 22 tháng 02 năm 2012, sau khi nhận chuyển nhượng đất của anh M anh có chia cho anh Ân Văn B một nửa diện tích đất và đầu tư cây giống, phân bón trồng bạch đàn từ năm 2012 đến năm 2017 anh khai thác số cây đã trồng và bán được số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Anh không tham gia ký kết hợp đồng giao khoán và không nhận tiền đầu tư của Lâm trường Đ S, chữ ký trong hồ sơ nhận khoán số 15 và đơn xin giao khoán đất trồng rừng không phải chữ ký của anh. Phiếu chi số 114 ngày 28 tháng 4 năm 2013 ghi anh Hướng Văn T nhận thay anh số tiền 4.733.300đ (Bốn triệu bẩy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng) anh không nhận được số tiền này. Việc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đng Bắc khởi kiện yêu cầu thanh lý hợp đồng giao khoán và yêu cầu anh trả sản phẩm cho công ty số tiền 40.248.000đ (Bốn mươi triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng) anh không đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 6 năm 2018 anh Hướng Văn Đ trình bày: Anh là con trai của anh Hướng Văn B, việc anh B nhận chuyển nhượng đất của ông Đàm Trọng M anh không được biết, việc anh B trồng rừng trên diện tích đất của ông M anh có được tham gia trồng và chăm sóc cây. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LNĐB khởi kiện anh không có yêu cầu gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 6 năm 2018 anh Hướng Văn L trình bày: Anh là con trai của anh Hướng Văn B, việc anh B nhận chuyển nhượng đất của ông Đàm Trọng M anh không được biết, việc anh B trồng rừng trên diện tích đất của ông M anh có được tham gia trồng và chăm sóc cây. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LNĐB khởi kiện anh không có yêu cầu gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 11 năm 2018 anh Hướng Văn T trình bày: Anh là em trai của anh Hướng Văn B. Ngày 28 tháng 4 năm 2013 anh Khương là đội trưởng đội lâm nghiệp Đ H gọi điện thoại cho anh đến đội Đ H để nhận tiền hỗ trợ trồng rừng. Khi anh đến đội Đ H thì anh Khương bảo anh nhận tiền giúp cho anh B nên anh đã nhận thay anh B số tiền vật tư trồng rừng, cây giống là 2.118.900đ (Hai triệu một trăm mười tám nghìn chín trăm đồng) và tiền phân bón 2.614.400đ (Hai triệu sáu trăm mười bốn nghìn bốn trăm), tổng số tiền anh nhận thay anh B là 4.733.300đ (Bốn triệu bẩy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng). Sau khi nhận tiền anh đã giao lại cho anh B đủ số tiền anh đã nhận thay anh B. Việc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LNĐB khởi kiện anh B anh không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LNĐB không thay đổi bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện. Anh Hướng Văn B, chị Hà Thị Q, anh Hướng Văn Đ, anh Hướng Văn L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, anh Hướng Văn T vắng mặt, đã có ý xin vắng mặt ghi tại biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 11 năm 2018.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 412, 414 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 8, 9, 10 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí: Bác yêu cầu của Công ty TNHH MTV LNĐB về việc buộc anh Hướng Văn B phải phải trả sản phẩm khoán cho lâm trường theo mức sau: 51,6m3 x 780.000đ/m3 = 40.248.000đ theo hợp đồng giao nhận khoán số 15 HĐ/2013-ĐH.

- Về án phí: Công ty TNHH MTV LNĐB phải chịu 2.012.400đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Hướng Văn B, chị Hà Thị Q, anh Hướng Văn Đ, anh Hướng Văn L đã được triệu tập hai lần hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, anh Hướng Văn T vắng mặt nhưng đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt ghi tại biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 11 năm 2018. Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt anh B, anh T, anh Đ, anh L, chị Q theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 10 tháng 4 năm 2013 Lâm trường Đ S (Bên A) thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LNĐB ký hợp đồng giao khoán sử dụng đất để trồng rừng kinh tế với hộ gia đình anh Hướng Văn B (Bên B) theo đó anh B nhận khoán 1,72 ha đất tại lô c3, khoảnh 3 đội sản xuất Đ H Lâm trường Đ S. Thời gian giao khoán 06 năm tính từ ngày 10 tháng 4 năm 2013. Phía Lâm trường Đ S có trách nhiệm đầu tư cho bên nhận khoán là anh Hướng Văn B cây giống đủ tiêu chuẩn là 3027 cây, phân bón lót NPK 550,4kg, chịu toàn bộ chi phí thiết kế trồng rừng, hướng dẫn kỹ thuật, tổ chức nghiệm thu, kiểm kê rừng,... Khi rừng đến tuổi khai thác Lâm trường Đ S có trách nhiệm lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền cấp phép khai thác, tổ chức bán đấu giá rừng. Hộ anh Hướng Văn B chịu trách nhiệm toàn bộ chi phí Lo động để thực hiện

các công việc làm đất, trồng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ theo quy trình kỹ thuật bên A hướng dẫn. Phân chia sản phẩm: Lâm trường Đ S được hưởng 51,6m^3 gỗ quy ra tiền giá trúng đấu giá. Anh B được hưởng sản lượng gỗ còn lại B tiền theo giá trúng đấu giá. Trong các ngày 18 tháng 10 năm 2017 và ngày 28 tháng 10 năm 2017 Lâm trường Đ S tiến hành kiểm tra và phát hiện anh Hướng Văn B tự ý khai thác gỗ mà không được sự đồng ý của Lâm trường Đ S, sau khi khai thác gỗ anh B không trả sản phẩm khoán cho Lâm trường Đ S. Lâm trường Đ S yêu cầu anh B đến Lâm trường Đ S để thanh lý hợp đồng và trả sản phẩm nhưng anh B không thực hiện. Ngày 26 tháng 02 năm 2018 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LNĐB khởi kiện yêu cầu anh Hướng Văn B phải trả cho công ty 51,6 m^3 gỗ x 780.000đ/1 m^3 (Giá theo Quyết định số 46/QĐ/CT – LNTH ngày 17/3/2017 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LNĐB) = 40.248.000đ (Bốn mươi triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LNĐB, Hội đồng xét xử thấy ngày 10 tháng 4 năm 2013 anh Hướng Văn B ký hợp đồng nhận khoán sử dụng đất để trồng rừng kinh tế số 15/HĐ/2013/ĐH nhận khoán với Lâm trường Đ S 1,72 ha đất tại lô c3 khoảnh 3 đội sản xuất Đ H - Lâm trường Đ S. Anh B đã nhận diện tích đất giao khoán ngày 10 tháng 4 năm 2013 theo nội dung ghi tại "Biên bản giao khoán,nhận khoán về đất" ngày 10/4/2013 là có thật. Phía anh Hướng Văn B khai anh nhận chuyển nhượng đất của anh Đàm Trọng M diện tích 3,31 ha là không có căn cứ bởi lẽ tài liệu anh B nộp cho Tòa án nhân dân huyện Yên Thế là bản phôtôcopy không đáp ứng được giá trị của chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh B không thừa nhận chữ ký trong hợp đồng giao khoán và biên bản giao khoán, nhận khoán về đất, Tòa án đã giải thích cho anh B về quyền yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết nhưng anh B không hợp tác, không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết. Do vậy, hợp đồng số 15/HĐ/2013/ĐH ngày 10 tháng 4 năm 2013 và biên bản giao khoán, nhận khoán về đất ngày 10 tháng 4 năm 2013 do Lâm trường Đ S cung cấp có giá trị về mặt chứng cứ theo quy định tại Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào phiếu chi số 114 ngày 28 tháng 4 năm 2013 và lời khai ngày 19 tháng 11 năm 2018 của anh Hướng Văn T là em ruột của anh B xác định sau khi anh T đã nhận hộ anh B 4.733.300đ (Bốn triệu bẩy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng) là tiền đầu tư, vật tư trồng rừng, tiền cây giống, phân bón, anh T đã giao toàn bộ số tiền nhận đầu tư cho anh B. Căn cứ vào các biên bản nghiệm thu các năm 2013, năm 2014, năm 2015 và biểu thống kê chi tiết nghiệm thu chăm sóc, bảo vệ rừng trồng sản xuất năm 2013, năm 2014, năm 2015, năm 2016 phía công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LNĐB

đã tiến hành nghiệm thu, có căn cứ để xác định anh Hướng Văn B có thực hiện hợp đồng từ năm 2013 đến năm 2017. Ngày 18 tháng 10 năm 2017 anh Hướng Văn B tự ý tiến hành khai thác gỗ khi chưa hết thời hạn hợp đồng là vi phạm hợp đồng. Do vậy có căn cứ để xác định việc anh Hướng Văn B ký hợp đồng số 15/HĐ/2013/ĐH ngày 10 tháng 4 năm 2013 với Lâm trường Đ S và đã nhận đất, nhận đầu tư của do Lâm trường Đ S là có thật. Chính vì vậy cần buộc anh Hướng Văn B phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết. Do số gỗ anh B khia thác ah đã tiêu thụ nên buộc anh B trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LNĐB số tiền 40.248.000đ (Bốn mươi triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tương ứng với 51,6 m^3 gỗ x 780.000đ/1 m^3. Do anh B không tự nguyện thanh lý hợp đồng giao khoán, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LNĐB khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án có giá trị thi hành, nên không cần thiết buộc anh B phải thanh lý hợp đồng đã ký kết.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LNĐB được chấp nhận nên công ty không phải chịu tiền án phí.

Anh Hướng Văn B là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã Đ H là xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên anh B được miễn tiền án phí.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 70, Điều 93, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 483, Điều 484, Điều 486, Điều 488, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LNĐB. Buộc anh Hướng Văn B phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LNĐB số tiền 40.248.000đ (Bốn mươi triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Hướng Văn B.

Hoàn trả Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên LNĐB 1.006.000đ (Một triệu không trăm linh sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên Li số AA/2014/0004186 ngày 03 tháng 5 năm 2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thạo